

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2024

V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi  
ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

*Thẩm Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Lương Mạnh Tường.  
- Ông Hà Quang Văn.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc: “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐ-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Văn Nh, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện chị H đang ở: Đội 2, thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Các đương sự vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2024, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Anh Đinh Văn Nh trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: anh và Chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào năm 2010. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại xã Đ, huyện N, tỉnh

Ninh Bình. Tuy nhiên hai bên chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau. Hiện tại anh chị đã ly thân. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu không ai quan tâm đến ai. Vì vậy anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Nguyễn Thị H.

**Về con chung:** Anh Nh xác định anh và chị H có 03 con chung là các cháu: Đinh Thị Thùy Dsinh ngày 04/3/2011, cháu Đinh Xuân Trsinh ngày 06/4/2015, cháu Đinh Xuân Thsinh ngày 06/4/2015. Hiện cả ba cháu đang ở với anh. Sau khi ly hôn anh xin được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn Chị Nguyễn Thị H: Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Nh là do anh Nh ngoại tình, đánh đập chửi bới xúc phạm chị và gia đình chị. Tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn với anh Nh vì chị muốn các con có một gia đình hoàn hảo, có bố có mẹ. Về con chung: Chị H xác định chị và anh Nh có 03 con chung là các cháu: Đinh Thị Thùy Dsinh ngày 04/3/2011, cháu Đinh Xuân Trsinh ngày 06/4/2015, cháu Đinh Xuân Thsinh ngày 06/4/2015. Nếu anh Nh vẫn cương quyết xin ly hôn với chị thì chị xin Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả ba cháu.

Tại đơn xin xử vắng mặt, anh Nh vẫn giữ quan điểm xin ly hôn với chị Hương. Về con chung anh xin được nuôi hai cháu Đinh Xuân Trsinh ngày 06/4/2015, cháu Đinh Xuân Thsinh ngày 06/4/2015, anh đồng ý cho chị H nuôi cháu Đinh Thị Thùy Dsinh ngày 04/3/2011.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết theo quy định. Do bị đơn không đến tham gia các phiên hòa giải nên vụ án thuộc Tr hợp không tiến hành hòa giải được, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Đinh Văn Nh. Xử lý hôn giữa Anh Đinh Văn Nh và Chị Nguyễn Thị H.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao cháu Đinh Thị Thùy Dsinh ngày 04/3/2011 cho chị Hchăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và tự lập. Giao các cháu Đinh Xuân Trsinh ngày 06/4/2015, cháu Đinh Xuân Thsinh ngày 06/4/2015 cho anh Nh chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

3. *Về án phí ly hôn:* Anh Đinh Văn Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Nh và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Bản thân chị H không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng xác định chị và anh Nh có mâu thuẫn và hiện không ở cùng nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nh với chị H là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Anh Nh và chị H có 03 con chung là các cháu Đinh Thị Thùy Dsinh ngày 04/3/2011, cháu Đinh Xuân Trsinh ngày 06/4/2015, cháu Đinh Xuân Thsinh ngày 06/4/2015. Hiện cả ba cháu đang ở với anh Nh. Nguyên vọng của anh Nh xin được nuôi hai cháu Tr và cháu Thành, anh đồng ý cho chị H nuôi cháu D. Nguyên vọng của chị H xin nuôi cả ba cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Nh và chị H đều khỏe khỏe mạnh, có thu nhập, cháu D là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ. cháu có ý kiến xin được ở với chị Hương. Cháu Th và cháu Tr đang ở ổn định với anh Nh và có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định cho các cháu cũng như nguyện vọng của các bên nên giao cháu D cho chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao các cháu Tr và Th cho anh Nh trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đinh Văn Nh phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho Anh Đinh Văn Nh ly hôn với Chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu cháu Đinh Xuân Trsinh ngày 06/4/2015, cháu Đinh Xuân Thsinh ngày 06/4/2015, cho Anh Đinh Văn Nh tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Giao cháu Đinh Thị Thùy Dsinh ngày 04/3/2011 cho Chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các Thvien gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

*Trong Tr hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đinh Văn Nh phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001331 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

Nguyễn Thị Hương Quỳnh